

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Núi.

Ông Nguyễn Đức Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Hữu, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

+ Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

+ Chị Đặng Thị Tuyết L, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Gảnh, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2018 và năm 2019, bà T cho vợ chồng chị Đặng Thị Tuyết L và anh Nguyễn Ngọc Đ vay tiền trong nhiều lần với tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 05/9/2019, giữa bà T và chị L tổng kết nợ và lập tờ giấy “Giấy cho vay tiền”, chị L ký tên và ghi họ tên vào.

Khi lập “Giấy cho vay tiền” hai bên đã thoả thuận lãi suất 10%/tháng, hẹn trả trong 03 tháng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, anh Đ và chị L không thực hiện trả lãi và vốn như đã thoả thuận.

Do đó, bà T khởi kiện, yêu cầu anh Đ và chị L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ 100.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 05/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 45 tháng, thành tiền 74.700.000 đồng, yêu cầu thực hiện khi bản án có hiệu lực. Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Đặng Thị Tuyết L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị L trả cho bà số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu anh Đ cùng có nghĩa vụ trả nợ và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi; bị đơn anh Đ, chị L vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Đặng Thị Tuyết L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị L.

[3] Xét việc thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị L trả cho bà số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu anh Đ cùng có nghĩa vụ trả nợ và rút lại yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T yêu cầu chị L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T đã cung cấp cho Tòa án Bản chính 01 Văn bản có tiêu đề là “Giấy cho vay tiền” ngày 05/9/2019. Văn bản này có thể hiện nội dung ngày 05/9/2019, bên A (bên cho vay) Trần Thị T cho bên B (bên vay) Đặng Thị Tuyết L vay số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, thời điểm thanh toán là 03 tháng kể từ ngày 05/9/2019, hàng tháng trả lãi 10.000.000 đồng,

đồng thời tại mục “Bên B” ở cuối văn bản có chữ ký và chữ viết mang tên “Đặng Thị Tuyết L”. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L vẫn cố tình vắng mặt không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Nếu chị L không thừa nhận số nợ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, chị L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối chứng cứ và tài liệu mà bà T cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị L và bà T là có thật và chị L phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ cho bà T. Vì vậy, bà T yêu cầu chị L trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về tiền lãi và lãi suất: Giấy cho vay tiền ngày 05/9/2019 thể hiện lãi suất cho vay là 10%/tháng. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà T cho rằng chị L không thực hiện việc trả lãi trong suốt thời gian từ ngày 05/9/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mà chỉ trả được số tiền 1.500.000 đồng trước ngày 05/9/2019. Chị L vắng mặt và không có ý kiến đối với vấn đề lãi suất hoặc số tiền lãi đã trả, đồng thời bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà T yêu cầu thực hiện trả số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Chị L vắng mặt nên không thỏa thuận được với bà T. Việc chị L chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó yêu cầu của bà T buộc chị L trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng đối với số tiền chị L có nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí chị L phải nộp được xác định: $100.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc chị Đặng Thị Tuyết L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền 100.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Chị Đặng Thị Tuyết L phải nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 4.367.500.000 đồng theo biên lai thu số 0008611 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Ngọc Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm